OCB Ngân Hàng Phương Đông

Niềm tin và thịnh vượng

Số: 94A/2019/QĐ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 06/2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;*
- *Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị ngày ...../...../.....;*
- *Xét đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình số 06./2019/TT-QLRRDN ngày 29./7./2019 của Phòng Quản lý rủi ro Doanh nghiệp v/v ban hành Quyết định công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn tháng 06/2019.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản "**CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 06/2019"**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý rủi ro Doanh nghiệp và Phòng Quan hệ công chúng chịu trách nhiệm tiến hành in bản Công bố thông tin an toàn vốn và niêm yết tại trụ sở chính đúng quy định nội bộ của OCB và quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

TRỊNH VĂN TUẤN

Nơi nhận:
- Như Điều 3 "để thi hành";

Sao gửi:
- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- Lưu VT. Vp.HĐQT, P.QLRRDN

OCB
Ngân Hàng Phương Đông

Niềm tin và thịnh vượng

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 06/2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94A/2019/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2019 của Hội Đồng Quản Trị Ngân hàng TMCP Phương Đông)

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Bản công bố thông tin về Tỉ lệ an toàn vốn cho thời điểm ngày 30/06/2019 do Ngân hàng TMCP Phương Đông (gọi tắt là "OCB") lập và công bố để đáp ứng quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 41). Các thông tin trong Bản công bố thông tin được OCB thu thập và tính toán theo quy định tại Thông tư 41 và Quy định nội bộ về thu thập và công bố thông tin an toàn vốn của OCB.

Tính đến ngày 30/06/2019, OCB có 01 công ty con không phải là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con của OCB như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Mã	Công ty con	Vốn điều lệ của Công ty con	Giá trị đầu tư của OCB
1	OIMT	CTY TNHH MTV CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ NHTM PHƯƠNG ĐÔNG	25,000	25,000

2. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

Tính đến ngày 30/06/2019, cơ cấu vốn (vốn cấp 1, vốn cấp 2 và Tổng vốn tự có) của OCB như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản mục vốn	Riêng lẻ	Hợp nhất
1	Vốn cấp 1	9,667,015	9,666,612
2	Vốn cấp 2	377,853	377,853
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	25,000	-
	TỔNG VỐN TỰ CÓ = (1) + (2) - (3)	**10,019,869**	**10,044,465**

3. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

3.1. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

OCB đã ban hành Quy trình tính tỉ lệ an toàn vốn và Quy trình công bố thông tin về tỉ lệ an toàn vốn. Theo như quy định thì việc tính và công bố thông tin được thực hiện như sau:

- Thu thập thông tin: các thông tin được lấy trực tiếp từ kho dữ liệu của OCB để giảm thiểu các rủi ro sai lệch về số liệu.
- Tính toán tỉ lệ an toàn vốn: OCB đã phát triển công cụ tính hệ số an toàn vốn cho phép việc tính vốn được thực hiện nhanh, chính xác.
- Kiểm soát kết quả tính toán: khối QLRR là đầu mối phối hợp với các đơn vị nội bộ để xác nhận được tính chính xác của kết quả tính.
- Phê duyệt kết quả và nội dung thông tin công bố: kết quả tính và các nội dung công bố được phê duyệt bởi quản lý cấp cao nhất của OCB trước khi được công bố ra bên ngoài.

3.2. Kế hoạch vốn đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn

OCB đã và đang triển khai các kế hoạch sau để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn:

- Cấu trúc và tối ưu lại danh mục tài sản của Ngân hàng theo định hướng tập trung kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Thực hiện phân bổ vốn tự có của Ngân hàng xuống cho các Khối kinh doanh để quản lý sử dụng vốn hiệu quả.
- Đưa ra các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo lợi nhuận của khách hàng đem về đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng;
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ và bù đắp rủi ro của khách hàng mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

3.3. Tỷ lệ an toàn vốn

Tại thời điểm 30/06/2019, tỉ lệ an toàn vốn của OCB như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiết danh mục	Giá trị
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA)	**79,357,013**
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA_{CR})	78,945,891
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWA_{CCR})	411,122
Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động (K_{OR})	**759,940**
Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường (K_{MR})	**106,944**
Tỉ lệ an toàn vốn cấp 1	**10.72%**
Tỉ lệ an toàn vốn cấp 1 hợp nhất	**10.72%**
Tỉ lệ an toàn vốn (CAR)	**11.11%**
Tỉ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR_{conso})	**11.14%**

4. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

4.1. Nguyên tắc quản lý rủi ro

Công tác quản lý rủi ro đối với từng loại rủi ro cụ thể được quy định trong Chính sách quản lý rủi ro chung của ngân hàng và các Quy chế quản lý rủi ro tương ứng do HĐQT ban hành và được áp dụng thống nhất trong toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Nguyên tắc quản lý rủi ro của OCB bao gồm các điểm chính sau:

- Tuân thủ pháp luật;
- Minh bạch;
- Phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh và chính sách quản lý rủi ro chung của ngân hàng;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Không ngừng nâng cao kiểm soát rủi ro.

Tất cả các quy chế, quy định, quy trình trong hoạt động của ngân hàng đều tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, chính sách rủi ro của ngân hàng. Các nhân viên của OCB khi tác nghiệp đều tuân thủ quy định pháp luật, tuân thủ các quy định nội bộ của ngân hàng.Toàn bộ quy định nghiệp vụ được rà soát định kỳ hoặc theo yêu cầu của Ban lãnh đạo ngân hàng để đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế.

4.2. Rủi ro tín dụng

4.2.1. Chính sách QLRRTD

Chính sách QLRRTD được OCB công bố tại Khẩu vị rủi ro. Chính sách QLRRTD được truyền thông hiệu quả từ cấp cao nhất đến từng nhân viên của OCB. OCB thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng/lần về tỉ lệ an toàn tài chính, các thay đổi chính sách trong QLRRTD nếu có phát sinh.

Các hạn mức trong rủi ro tín dụng được theo dõi định kỳ (hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng tùy theo từng loại), được cảnh báo, xử lý khi chạm các ngưỡng theo quy định. Các hạn mức cũng được thường xuyên rà soát và đề xuất thay đổi nếu không phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình kinh doanh thực tế.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ, OCB đã liên tục cải tiến, hoàn thiện Quy trình cấp tín dụng, quy trình quản lý tài sản đảm bảo, đảm bảo tiền vay... OCB cũng từng bước tự động hóa, số hóa một số bước trong các quy trình để rút ngắn thời gian cấp tín dụng cho Khách hàng, hồ sơ tín dụng, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu các sai sót, rủi ro, tác động do con người gây ra.

OCB cũng đã áp dụng các mô hình xếp hạng tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng đối với các loại hình khách hàng như khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Ngoài ra OCB cũng đang nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện bộ chỉ tiêu xếp hạng tín dụng cho nhiều phân khúc khách hàng, sản phẩm như: cho Định chế tài chính, Khách hàng cá nhân vay tiêu dùng tín chấp ....

Hoạt động QLRRTD luôn được chú trọng thông qua hoạt động giám sát của quản lý cấp cao là HĐQT, UB QLRR, Tổng giám đốc, Hội đồng rủi ro. Ủy ban QLRR, Hội đồng rủi ro có lịch họp định kỳ, họp đột xuất để bám sát tình hình quản lý rủi ro tại ngân hàng và đưa ra các chỉ đạo kịp thời cho hoạt động quản lý rủi ro tại ngân hàng.

4.2.2. Các tài sản đảm bảo đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng

Danh mục tài sản đảm bảo đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng theo quy định tại điều 12, Thông tư 41 tại OCB bao gồm:

- Giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội.

4.2.3. Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng

Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng và tín dụng đối tác

Đơn vị tính: triệu VND

Chi tiết danh mục	RWA
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA_{CR})	78,945,891
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác (RWA_{CCR})	411,122

Cơ cấu tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Ngành nghề	RWA
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1,383,629
2	Khai khoáng	196,249
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,016,890
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3,372,726
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	179,595
6	Xây dựng	10,726,591
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9,333,179
8	Vận tải kho bãi	4,638,018
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,682,930
10	Thông tin và truyền thông	75,940
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	14,718,005
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	5,379,649
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	52,075
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	413,188
15	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	56,785
16	Giáo dục và đào tạo	458,221
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	237,919
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	190,549
19	Hoạt động dịch vụ khác	8,154,570
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	4,674,878
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	4,306
Tổng danh mục		**78,945,891**

Cơ cấu tài sản tính theo đối tượng

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Ngành nghề	RWA
1	Khoản phải đòi Công ty mua bán nợ của Tổ chức tín dụng (VAMC), Công ty quản lý vốn Nhà nước (DATC)	-
2	Khoản đòi các Tổ chức tín dụng, Tổ chức tài chính	10,645,415
3	Các khoản phải đòi Doanh nghiệp không phải là Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	44,227,228
4	Các khoản phải đòi được đảm bảo bằng bất động sản	3,359,443
5	Khoản cho vay thế chấp nhà ở	278,832
6	Khoản cấp tín dụng bán lẻ	15,676,360
7	Khoản nợ xấu	1,927,765
8	Các loại tài sản nội bảng khác	2,830,850
Tổng danh mục		**78,945,891**

4.3. Rủi ro hoạt động

4.3.1. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ)

Chính sách QLRRHĐ được OCB công bố phù hợp với chiến lược kinh doanh và mức độ chấp nhận rủi ro tại Tuyên bố khẩu vị rủi ro từng thời kỳ. Chính sách QLRRHĐ được truyền thông hiệu quả từ cấp cao nhất đến từng nhân viên của OCB.

Các hạn mức trong rủi ro hoạt động được theo dõi định kỳ, cảnh báo và xử lý khi chạm các ngưỡng theo quy định. Các hạn mức cũng được thường xuyên rà soát và đề xuất thay đổi nếu không phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình kinh doanh thực tế.

OCB đã có phần mềm hỗ trợ QLRRHĐ và hiện đang được tiếp tục nâng cấp, mở rộng phạm vi áp dụng. OCB cũng xây dựng cơ chế giám phát hiện sớm gian lận và đi kèm là hệ thống khai báo rủi ro hoạt động nhằm đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn được phát hiện và xử lý nhanh nhất để hạn chế tổn thất.

Để đánh giá, đo lường các RRHĐ, OCB áp dụng các công cụ sau:

- Thu thập và phân tích số liệu tổn thất nội bộ (Internal loss data collection and analysis);
- Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (Risk Control Self Assessment - RCSA)
- Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu (Risk and Performance indicators)

4.3.2. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục (BCP)

OCB đã xây dựng BCP bao gồm việc chuẩn bị về địa điểm thay thế, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, nguồn nhân lực, kế hoạch hoạt động... để sẵn sàng kích hoạt sử dụng khi xảy ra các sự cố thảm họa. Ngoài ra OCB đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc ứng phó trong các trường hợp thiên tai/ bão lụt, cháy nổ, cướp tấn công, triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DRP) và tổ chức diễn tập thường xuyên hằng năm nhằm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các sự cố hay thảm họa.

4.3.3. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động chia theo chỉ số kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	$BI_{Q2.2019}$	8,484,499
2	$BI_{Q2.2018}$	4,356,972
3	$BI_{Q2.2017}$	2,357,325
	Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động (K_{OR})	759,940

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo cấu phần của chỉ số kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Cấu phần	Mục chi tiết	Giá trị bình quân 3 năm	Vốn yêu cầu	RWA
1	IC	Thu nhập lãi	8,084,112	1,212,617	15,157,710
2		Chi phí lãi	4,426,382	663,957	8,299,466
3	SC	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	375,220	56,283	703,537
4		Chi phí từ hoạt động dịch vụ	46,388	6,958	86,978
5		Thu nhập từ hoạt động khác	187,743	28,161	352,017
6		Chi phí từ hoạt động khác	208,790	31,319	391,481
7	FC	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	18,277	2,742	34,270
8		Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	479,531	71,930	899,120
9		Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	66,105	9,916	123,947
10		Lãi/ lỗ thuần từ kinh doanh lãi suất/ hàng hóa/ các sản phẩm phái sinh	26,481	3,972	49,652
Tổng danh mục			**5,066,265**	**759,940**	**9,499,247**

4.4. Rủi ro thị trường

4.4.1. Chính sách trong quản lý rủi ro thị trường (QLRRTT)

Chính sách QLRRTT được OCB công bố tại Khẩu vị rủi ro. Chính sách QLRRTT được truyền thông hiệu quả từ cấp cao nhất đến từng nhân viên của OCB.

Việc QLRRTT bao gồm việc theo dõi, quản lý trạng thái rủi ro trên sổ kinh doanh của Ngân

hàng do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường, đảm bảo OCB hoạt động ổn định, giảm thiểu tác động của rủi ro làm ảnh hưởng đến lợi nhuận và/ hoặc vốn của ngân hàng.

Các hạn mức trong rủi ro thị trường được theo dõi hằng ngày, được cảnh báo, xử lý khi chạm các ngưỡng theo quy định. Các hạn mức cũng được thường xuyên rà soát và đề xuất thay đổi nếu không phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình kinh doanh thực tế.

OCB sử dụng các công cụ sau để đo lường, kiểm soát và thực hiện báo cáo rủi ro trong QLRRTT:

- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo giá thị trường (Mark to market)
- Giá trị rủi ro (Value at Risk- VaR)
- Phương pháp đo lường PV01
- Kiểm tra sức chịu đựng (Stress Testing)

4.4.2. Danh mục thuộc sổ kinh doanh của OCB

Danh mục các loại tài sản trong sổ kinh doanh của OCB bao gồm:

- Trái phiếu chính phủ,
- Trạng thái ngoại tệ
- Trạng thái vàng.

4.4.3. Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh của OCB được xây dựng dựa trên các dựa báo về tình hình kinh tế vĩ mô, dòng tiền, biến động của các yếu tố thị trường và tình hình tài chính cũng như hạn mức kinh doanh được giao. Từ những nhận định đó, bộ phận tự doanh của OCB sẽ tiếp tục xây dựng danh mục kinh doanh theo hướng tập trung vào các kỳ hạn có thanh khoản cao trên thị trường trong ngắn hạn và xem xét các yếu tố tác động, cung cầu thị trường để cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp trong dài hạn nhằm mang đến lợi nhuận tối đa cho OCB đồng thời cũng kiểm soát rủi ro trong hạn mức cho phép.

4.4.4. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất (K_{IRR})	30,544
2	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu (K_{ER})	
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối (K_{FXR})	76,400
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa (K_{CMR})	
5	Vốn yêu cầu cho gia dịch quyền chọn (K_{OPT})	
	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường (K_{MR})	**106,944**